VĂN BẢN HỢP NHẤT
Số: 01/2026/VBHN-QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thượng Hồng, ngày 08 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở xã Thượng Hồng

Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Thượng Hồng ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở xã Thượng Hồng, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2025, được đính chính bởi:

Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Thượng Hồng về việc đính chính Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 của UBND xã Thượng Hồng ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;[1]

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;[2]

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15;[3]

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ- CP;[4]

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội tại Tờ trình số 114/TTr-VHXH ngày 20/11/2025;

Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã Thượng Hồng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện dân chủ ở xã Thượng Hồng, thành phố Hải Phòng.

Điều 2.[5] Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2025. Quyết định ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở các xã Thái Dương,

---

[1] *Căn cứ này được đính chính theo điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026.*

[2] *Căn cứ này được đính chính theo điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026.*

[3] *Căn cứ này được đính chính theo điểm c khoản 1 Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026.*

[4] *Căn cứ này được đính chính theo điểm d khoản 1 Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026.*

[5] *Điều này được đính chính theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026.*

Thái Hòa, Bình Xuyên hết hiệu lực thi hành kể từ khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội xã, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn. các cơ quan, đơn vị, đoàn thể xã. cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở xã, người hoạt động không chuyên trách và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ THƯỢNG HỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Thực hiện dân chủ ở cơ sở xã Thượng Hồng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Thượng Hồng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.[6] Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nội dung, cách thức thực hiện dân chủ ở xã Thượng Hồng. nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở thôn. quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương xã theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Mọi công dân cư trú ở xã Thượng Hồng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện dân chủ ở xã Thượng Hồng.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện dân chủ ở xã Thượng Hồng

1. Bảo đảm quyền của công dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở xã Thượng Hồng.

2. Thực hiện dân chủ ở xã Thượng Hồng phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ủy, quản lý của Ủy ban nhân dân, vai trò của các tổ chức chính trị- xã hội xã trong thực hiện dân chủ.

3. Thực hiện dân chủ ở xã Thượng Hồng trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. bảo đảm trật tự, kỷ cương, không cản trở hoạt động bình thường của chính quyền xã Thượng Hồng.

4. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

---

[6] *Điều này được đính chính theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026.*

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện dân chủ ở xã Thượng Hồng.

6. Tôn trọng ý kiến đóng góp của Nhân dân, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

Chương II
THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ
Mục 1
CÔNG KHAI THÔNG TIN Ở XÃ

Điều 4. Những nội dung chính quyền địa phương phải công khai

Trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật, chính quyền địa phương phải công khai các nội dung sau đây:

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế hằng năm của xã và kết quả thực hiện.

2. Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính của xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp. dự toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định. số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã định kỳ theo quý, 06 tháng, hằng năm. quyết toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác đã được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn. kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (nếu có).

3. Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn xã và tiến độ thực hiện. kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn xã. kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do xã quản lý. kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã. quy hoạch xây dựng xã và điểm dân cư nông thôn.

4. Quy chế thực hiện dân chủ ở xã. nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở thôn. quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương xã.

5. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với địa bàn xã. các khoản huy động Nhân dân đóng góp.

6. Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công do xã quản lý. tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công của chính quyền địa phương xã.

7. Chủ trương, chính sách, kế hoạch, tiêu chí, đối tượng, quy trình bình xét và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, trợ cấp, tín dụng để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển sản xuất, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cấp thẻ bảo

hiểm y tế và các chính sách an sinh xã hội khác được tổ chức triển khai trên địa bàn xã.

8. Thông tin về phạm vi, đối tượng, cách thức bình xét, xác định đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian, thủ tục thực hiện phân phối các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa hoặc để hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn xã. việc quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp, quyên góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài dành cho các đối tượng trên địa bàn xã.

9. Số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ. danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. danh sách công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. danh sách tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ trên địa bàn xã.

10. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở thôn. kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân xã.

11. Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân, nội dung lấy ý kiến, kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những nội dung chính quyền địa phương xã đưa ra lấy ý kiến Nhân dân quy định tại Điều 25 của Luật này.

12. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền địa phương xã trực tiếp thu.

13. Các thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân do chính quyền địa phương xã trực tiếp thực hiện.

14. Nội dung khác theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai thông tin

1. Các hình thức công khai thông tin bao gồm:

a) Niêm yết thông tin.

b) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của xã.

c) Phát tin trên hệ thống truyền thanh của xã.

d) Thông qua Trưởng thôn để thông báo đến công dân.

đ) Gửi văn bản đến công dân.

e) Thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân xã với Nhân dân.

g) Thông qua việc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của Ủy ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật.

h) Thông báo đến tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức, đoàn thể cùng cấp khác để tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên ở cơ sở.

i) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại xã, tại thôn.

k) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ ở xã.

2. Thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về nội dung cần công khai, UBND xã phải tổ chức công khai thông tin.

Điều 6. Lựa chọn hình thức công khai thông tin

1. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm đăng tải trên Trang thông tin điện tử của xã theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. UBND xã có trách nhiệm niêm yết thông tin quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 4 của Quy chế này tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, tại nhà văn hóa các thôn. Thời gian niêm yết thông tin ít nhất là 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Thông tin quy định tại khoản 4 và khoản 13 Điều 4 của Quy chế này phải được niêm yết thường xuyên tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và được cập nhật khi có sự thay đổi. Danh sách các nội dung đã được thực hiện công khai kèm theo hình thức, thời gian thực hiện được lập, cập nhật theo từng quý và niêm yết tại trụ sở UBND xã, tại nhà văn hóa các thôn trên địa bàn.

3. Thông tin quy định tại các khoản 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 4 của Quy chế này và được tuyên truyền trên Đài truyền thanh của xã trong thời hạn ít nhất là 03 ngày liên tục.

4. Thông tin quy định tại khoản 3 Điều này được gửi đến Trưởng các thôn để thông báo đến nhân dân. Việc thông báo thông tin đến nhân dân quy định tại khoản này được thực hiện thông qua một hoặc nhiều hình thức, gồm thông báo tại cuộc họp của thôn, cuộc họp, sinh hoạt của các đoàn thể. thông báo trực tiếp hoặc gửi văn bản thông báo đến từng hộ gia đình, hoặc sử dụng mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật.

5. Cùng với việc thực hiện công khai thông tin bằng các hình thức quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, tùy từng nội dung cụ thể việc công khai thông tin còn được thực hiện bằng các hình thức khác như: Gửi văn bản đến công dân. thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND xã với nhân dân. Thông qua việc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri, hoạt động của người phát ngôn của UBND xã theo quy định của pháp luật hoặc thông báo đến các đoàn thể chính trị - xã hội để tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân.

6. Trường hợp pháp luật có quy định khác về hình thức, cách thức thực hiện công khai đối với nội dung thông tin cụ thể thì áp dụng theo quy định đó.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin

1. Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch thực hiện việc công khai thông tin, nêu rõ nội dung thông tin cần công khai, hình thức công khai, thời điểm, thời hạn công khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân xã cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân theo quy định của Luật tiếp cận thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai, thông tin hết thời hạn công khai theo quy định của pháp luật hoặc thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được.

3. Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung công khai thông tin tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã để giám sát.

Mục 2
NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH

Điều 8. Những nội dung nhân dân bàn và quyết định

1. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn cấp xã, ở thôn do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.

2. Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định. việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác.

3. Nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

4. Bầu, cho thôi làm Trưởng thôn.

5. Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

6. Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

Điều 9. Đề xuất nội dung đểnhân dân bàn và quyết định

1. Đối với các nội dung có phạm vi thực hiện trên địa bàn xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã quyết định nội dung, lựa chọn hình thức và chỉ đạo, hướng dẫn Trưởng thôn tổ chức để nhân dân bàn và quyết định.

2. Đối với các nội dung chỉ có phạm vi thực hiện trong thôn, Trưởng thôn sau khi thống nhất với Trưởng ban Công tác Mặt trận ở thôn đề xuất nội dung để cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

3. Công dân cư trú tại thôn có sáng kiến đề xuất về nội dung quy định tại Điều 8 của Quy chế này và được ít nhất là 10% tổng số hộ gia đình tại thôn đồng thuận thì gửi đề xuất đến Trưởng thôn để đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết định nếu không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội. Trường hợp sáng kiến của công dân chưa có đủ 10% tổng số hộ gia đình ở thôn đồng thuận nhưng xét thấy có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư và được Ban công tác Mặt trận thôn tán thành thì Trưởng thôn đưa ra để cộng đồng dân cư bàn và quyết định. Việc thu thập ý kiến đồng thuận của các hộ gia đình có thể thực hiện trực tiếp tại cuộc họp của cộng đồng dân cư, bằng văn bản thể hiện ý kiến đồng ý của đại diện hộ gia đình hoặc hình thức thể hiện ý kiến khác phù hợp với điều kiện thực tế tại cộng đồng dân cư. Công dân có sáng kiến chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số lượng và danh sách hộ gia đình đồng thuận. Ý kiến đồng thuận với sáng kiến của công dân có giá trị trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thể hiện ý kiến.

Điều 10. Hình thức nhân dân bàn và quyết định

1. Tùy theo nội dung được đề xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Trưởng thôn tổ chức để nhân dân ở thôn bàn và quyết định bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.

b) Phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình.

c) Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn.

2. Việc bàn, quyết định các nội dung quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 8 của Quy chế này phải được thực hiện tại cuộc họp của cộng đồng dân cư, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 của Quy chế này. Hình thức phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình được thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 của Quy chế này. Hình thức biểu quyết trực tuyến chỉ áp dụng trong trường hợp cộng đồng dân cư quyết định các công việc quy định tại khoản 6 Điều 8 của Quy chế này mà Trưởng thôn sau khi thống nhất với Ban công tác Mặt trận thấy không cần thiết tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư hoặc phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình.

3. Trường hợp pháp luật có quy định khác về việc tổ chức để nhân dân bàn, quyết định thì thực hiện theo quy định đó.

Điều 11. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư

1. Cuộc họp của cộng đồng dân cư do Trưởng thôn triệu tập và chủ trì tổ chức. trường hợp cuộc họp để bầu, cho thôi làm Trưởng thôn thì thực hiện theo quy định của Chính phủ. Trường hợp khuyết Trưởng thôn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ định đại diện Ban Công tác Mặt trận ở thôn hoặc triệu tập viên là công dân có uy tín cư trú tại thôn đó để triệu tập và tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư. Thành phần tham dự cuộc họp của cộng đồng dân cư gồm Trưởng thôn, Ban Công tác Mặt trận thôn, đại diện các hộ gia đình trong thôn.

2. Đại diện hộ gia đình là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có khả năng đại diện được cho các thành viên hộ gia đình. trường hợp hộ gia đình không có người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thì đại diện hộ gia đình là người được các thành viên hộ gia đình thống nhất đề cử hoặc ủy nhiệm.

3. Trường hợp thôn có từ 200 hộ gia đình trở lên hoặc có địa bàn dân cư sinh sống không tập trung thì có thể tổ chức các cuộc họp theo từng cụm dân cư.

4. Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư được thực hiện như sau:

a) Người chủ trì cuộc họp tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp. giới thiệu người để cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký.

b) Người chủ trì cuộc họp trình bày những nội dung đưa ra để xem xét, thảo luận tại cuộc họp.

c) Những người tham gia cuộc họp thảo luận.

d) Người chủ trì cuộc họp tổng hợp chung các ý kiến thảo luận tại cuộc họp. đề xuất các nội dung và phương án biểu quyết đối với các nội dung đã được thảo luận. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do các thành viên tham dự cuộc họp quyết định. Trường hợp bỏ phiếu kín thì cuộc họp bầu ra Ban kiểm phiếu để thực hiện việc tổ chức bỏ phiếu kín.

đ) Người chủ trì cuộc họp công bố kết quả biểu quyết và kết luận cuộc họp.

Điều 12. Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình

1. Trưởng thôn tổ chức gửi phiếu biểu quyết đến từng hộ gia đình để lấy ý kiến biểu quyết về các nội dung có phạm vi thực hiện trong thôn hoặc trong địa bàn xã đối với các trường hợp sau đây:

a) Chủ tịch UBND xã quyết định lựa chọn hình thức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình đối với nội dung có phạm vi thực hiện trên địa bàn xã.

b) Cộng đồng dân cư đã tổ chức cuộc họp mà không có đủ đại diện của số hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 14 của Quy chế này.

c) Các trường hợp khác do Trưởng thôn quyết định sau khi đã thống nhất với Ban công tác Mặt trận ở thôn.

2. Trưởng thôn phối hợp với Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến. thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến có từ 03 đến 05 thành viên và công khai thông tin đến nhân dân ở thôn về nội dung lấy ý kiến, thời điểm, thời hạn lấy ý kiến, thành phần Tổ phát phiếu lấy ý kiến chậm nhất là 02 ngày trước ngày thực hiện việc phát phiếu lấy ý kiến.

3. Mỗi hộ gia đình được phát 01 phiếu lấy ý kiến. Tổ phát phiếu có nhiệm vụ gửi phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến từng hộ gia đình, tổ chức thu phiếu theo đúng thời hạn đã được xác định và tổng hợp đầy đủ, khách quan kết quả phiếu lấy ý kiến.

Điều 13. Quyết định của cộng đồng dân cư

1. Quyết định của cộng đồng dân cư được thể hiện bằng văn bản dưới hình thức Nghị quyết, biên bản cuộc họp, bản ghi nhớ, bản thỏa thuận của cộng đồng dân cư. Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể về hình thức văn bản thì Trưởng thôn lựa chọn hình thức văn bản của cộng đồng dân cư phù hợp với nội dung quyết định và phong tục, tập quán, điều kiện thực tế của cộng đồng dân cư sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn.

2. Quyết định của cộng đồng dân cư gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thời gian cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

b) Tổng số hộ gia đình thuộc cộng đồng dân cư. số người đại diện hộ gia đình có mặt. số hộ gia đình không có người đại diện tham dự.

c) Nội dung cộng đồng dân cư bàn.

d) Hình thức cộng đồng dân cư quyết định.

đ) Kết quả biểu quyết tại cuộc họp hoặc tổng hợp phiếu lấy ý kiến, kết quả biểu quyết trực tuyến của hộ gia đình.

e) Nội dung quyết định của cộng đồng dân cư.

g) Chữ ký của Trưởng thôn, Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn và 02 đại diện của các hộ gia đình.

3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày cộng đồng dân cư tổ chức họp biểu quyết hoặc kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến bằng phiếu, biểu quyết trực tuyến, quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua phải được gửi đến Ủy ban nhân dân xã, MTTQ xã.

Điều 14. Hiệu lực của quyết định của cộng đồng dân cư

1. Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8 của Quy chế này được thông qua khi có từ hai phần ba tổng số đại diện hộ gia đình trở lên trong thôn tán thành. Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8 của Quy chế này có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã được thông qua khi có từ hai phần ba tổng số xóm trở lên tán thành. Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 8 của Quy chế này được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn tán thành.

2. Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại các khoản 1, 2 và 6 Điều 8 của Quy chế này có phạm vi thực hiện trong thôn có hiệu lực kể từ ngày được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua. Đối với quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8 của Quy chế này có phạm vi thực hiện trên địa bàn xã, thì thời điểm có hiệu lực do Ủy ban nhân dân xã quyết định trên cơ sở tổng hợp kết quả biểu quyết của cộng đồng dân cư. Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 8 của Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã ban hành quyết định công nhận. Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 5 Điều 8 của Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam xã ban hành quyết định công nhận. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của cộng đồng dân cư, Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã phải ban hành quyết định công nhận. trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định của cộng đồng dân cư

1. Quyết định của cộng đồng dân cư được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội.

b) Không tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục thông qua văn bản của cộng đồng dân cư theo quy định của Quy chế này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Cộng đồng dân cư thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

2. Ủy ban nhân dân xã quyết định bãi bỏ quyết định của cộng đồng dân cư đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Ủy ban nhân dân xã quyết định bãi bỏ hoặc đề nghị cộng đồng dân cư sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Quyết định bãi bỏ hoặc văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế quyết định của cộng đồng dân cư phải được Ủy ban nhân dân xã gửi đến Trưởng thôn để thông báo đến nhân dân và được gửi đồng thời đến Ủy ban MTTQ xã.

3. Cộng đồng dân cư tự mình quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định của mình khi xét thấy cần thiết hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế quyết định của mình theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã theo trình tự, thủ tục quy định tại các điều 11, 12, 13 và 14 của Quy chế này.

Điều 16. Trách nhiệm trong việc tổ chức đểnhân dân bàn, quyết định và thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư

1. Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch tổ chức để nhân dân bàn, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư thuộc phạm vi xã. kiểm tra, theo dõi việc tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư có phạm vi thực hiện trong thôn. Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về việc tổ chức để nhân dân bàn, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trên địa bàn xã tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã để giám sát.

2. Trưởng thôn có trách nhiệm công khai kết quả biểu quyết hoặc kết quả tổng hợp phiếu lấy ý kiến của nhân dân tại thôn. tổ chức thực hiện quyết định của

cộng đồng dân cư có phạm vi thực hiện trong xóm. báo cáo kết quả thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư đến nhân dân ở thôn và đến UBND xã.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc tổ chức để nhân dân bàn, quyết định và thực hiện các nội dung nhân dân bàn, quyết định.

4. Trưởng thôn có trách nhiệm triệu tập và chủ trì tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để nhân dân bàn và quyết định những nội dung được quy định tại khoản 1, 2, 3, 5 và 6 Điều 8 của Quy chế này.

5. Tổ bầu cử (do Chủ tịch UBND xã quyết định thành lập) có trách nhiệm triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn.

6. Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn có trách nhiệm triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư để cho thôi làm Trưởng thôn. Trường hợp Trưởng thôn đồng thời là Trưởng Ban công tác Mặt trận thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã triệu tập và chủ trì cuộc họp sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

7. Trưởng thôn chủ trì, phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận thành lập Tổ soạn thảo hương ước, quy ước và tổ chức thực hiện Hương ước, Quy ước của cộng đồng dân cư.

8. Trường hợp khuyết Trưởng thôn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ định đại diện Ban công tác Mặt trận thôn hoặc triệu tập viên là công dân có uy tín cư trú tại thôn triệu tập và tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để Nhân dân bàn và quyết định các nội dung trừ trường hợp quy định tại khoản 5, 6 Điều này.

Điều 17. Trách nhiệm của nhân dân tham gia bàn, quyết định các nội dung, công việc ởcơ sở

1. Công dân, hộ gia đình tích cực quan tâm đến công việc chung của thôn, xóm. có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham gia họp bàn, thảo luận, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong thôn, trên địa bàn xã. thực hiện nghiêm túc các nội dung thuộc trách nhiệm đã được cộng đồng dân cư quyết định.

2. Đại diện hộ gia đình có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của thôn, xóm. tập hợp, nắm bắt ý kiến chung của các thành viên hộ gia đình để phản ánh, tham gia thảo luận tại cuộc họp hoặc thể hiện trên phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình. phổ biến, truyền đạt lại cho các thành viên hộ gia đình về kết quả bàn, thảo luận, quyết định của cộng đồng dân cư. Trường hợp thành viên hộ gia đình có ý kiến khác với ý kiến của đại diện hộ gia đình thì được đăng ký tham dự cuộc họp của thôn để thể hiện ý kiến, quan điểm của mình tại cuộc họp.

3. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở thôn có trách nhiệm tích cực, gương mẫu tham gia bàn và quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong thôn, trên địa bàn xã, có trách nhiệm thực

hiện nghiêm túc và tuyên truyền, hướng dẫn, vận động gia đình và các thành viên trong cộng đồng thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư.

4. Trường hợp nhận thấy quyết định của cộng đồng dân cư không bảo đảm trình tự, thủ tục hoặc có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội thì công dân có quyền kiến nghị, phản ánh đến UBND xã, MTTQ xã và Ban Thanh tra nhân dân.

Mục 3
NHÂN DÂN THAM GIA Ý KIẾN

Điều 18. Những nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã. phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất. và phương án phát triển ngành, nghề của xã.

2. Dự thảo quy hoạch sử dụng đất của tỉnh và phương án điều chỉnh. việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao cho Ủy ban nhân dân xã quản lý.

3. Chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư đối với việc quyết định đầu tư công dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án có quy mô tái định cư lớn, dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, dự án có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án.

4. Dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính. dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, đặt tên, đổi tên thôn, ghép cụm dân cư.

5. Dự thảo quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân xã có liên quan đến lợi ích cộng đồng, bao gồm quyết định ban hành hoặc phê duyệt chương trình, kế hoạch, dự án, đề án có nội dung tác động đến môi trường, sức khỏe của cộng đồng, trật tự, an toàn xã hội và những vấn đề khác có ảnh hưởng đến cộng đồng.

6. Dự thảo nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng, dự thảo nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.

7. Dự thảo Quy chế về thực hiện dân chủ ở xã. dự thảo Quy chế thực hiện dân chủ trong từng lĩnh vực, nội dung hoạt động cụ thể ở xã (nếu có).

8. Dự thảo quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành là công dân trên địa bàn xã.

9. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền địa phương thấy cần lấy ý kiến.

Điều 19. Hình thức nhân dân tham gia ý kiến

1. Các hình thức lấy ý kiến nhân dân bao gồm:

a) Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân xã với nhân dân.

b) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.

c) Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình.

d) Thông qua hòm thư góp ý, đường dây nóng.

đ) Thông qua Ban công tác Mặt trận ở thôn và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở.

e) Thông qua trang thông tin điện tử của xã.

g) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương, tại thôn.

h) Tổ chức đối thoại, lấy ý kiến công dân là đối tượng thi hành đối với nội dung quy định tại khoản 8 Điều 18 của Quy chế này.

2. Tùy theo nội dung, tính chất, yêu cầu của việc lấy ý kiến nhân dân, khả năng, điều kiện đáp ứng thực tế của địa phương và phù hợp với Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, Ủy ban nhân dân xã quyết định lựa chọn một hoặc một số hình thức quy định tại khoản 1 Điều này để tổ chức lấy ý kiến nhân dân. Trường hợp pháp luật có quy định về việc áp dụng hình thức, cách thức tổ chức cụ thể để lấy ý kiến của nhân dân về nội dung nhất định thì việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân, tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của nhân dân thực hiện theo quy định đó.

Điều 20. Việc tổ chức đối thoại, lấy ý kiến công dân là đối tượng thi hành trong trường hợp Ủy ban nhân dân xã ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụhoặc làm chấm dứt, hạn chếquyền, lợi ích của đối tượng thi hành

1. Trước khi ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của công dân là đối tượng thi hành, trừ quyết định hành chính có nội dung thuộc bí mật nhà nước và quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm thông tin và tạo điều kiện để công dân là đối tượng thi hành quyết định hành chính được biết và trình bày ý kiến nếu người đó có yêu cầu. Công dân là đối tượng thi hành quyết định hành chính có thể tự mình hoặc ủy quyền cho người đại diện trình bày ý kiến.

2. Trường hợp quyết định hành chính áp dụng đối với nhiều đối tượng hoặc khi xét thấy cần thiết, thì Ủy ban nhân dân xã có thể tổ chức cuộc họp đối thoại, lấy ý kiến trực tiếp của các công dân là đối tượng thi hành quyết định. Thành phần tham dự cuộc họp bao gồm đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, đại diện Ban Thanh tra nhân dân xã và các công dân là đối tượng thi hành quyết định hành chính.

3. Ý kiến của công dân là đối tượng thi hành, ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải được tổng hợp đầy đủ. nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến của đối tượng thi hành được gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và được lưu cùng hồ sơ trình ký ban hành quyết định hành chính. Người có thẩm quyền ra quyết định và chịu trách nhiệm về việc ban hành quyết định hành chính của mình.

Điều 21. Trách nhiệm trong việc tổ chức đểnhân dân tham gia ý kiến

1. Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhân dân về các nội dung quy định tại Điều 18 của Quy chế này thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân xã, trong đó xác định rõ nội dung lấy ý kiến, hình thức lấy ý kiến, cách thức, thời hạn triển khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện. Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhân dân phải được gửi đến Hội đồng nhân dân và Ủy ban MTTQ xã. Trường hợp tổ chức lấy ý kiến nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên thì Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến theo các nội dung được giao trong kế hoạch lấy ý kiến của cơ quan chịu trách nhiệm lấy ý kiến.

2. Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội xã tổ chức thực hiện kế hoạch đã được thông qua. Thời gian lấy ý kiến nhân dân ít nhất là 20 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến. Trường hợp pháp luật có quy định cụ thể thời hạn lấy ý kiến Nhân dân thì thực hiện theo quy định đó.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, thông tin phản hồi của nhân dân. nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của Nhân dân về các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của xã để quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã quyết định và thực hiện việc công khai kết quả tổng hợp ý kiến của nhân dân, nội dung giải trình, tiếp thu đến nhân dân.

4. Đối với những nội dung do cơ quan có thẩm quyền giao cho chính quyền địa phương xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân thì Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về kết quả lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn. Cơ quan có thẩm quyền quyết định có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến đóng góp của Nhân dân về những nội dung đã đưa ra lấy ý kiến. trường hợp quyết định có nội dung khác với ý kiến của đa số Nhân dân thì phải giải trình, nêu rõ lý do của việc không tiếp thu và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến của nhân dân phải được gửi đến UBND xã để thực hiện việc công khai thông tin đến nhân dân.

5. Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân và kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã để giám sát.

6. Ủy ban MTTQ xã phối hợp với UBND xã trong việc thực hiện kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhân dân và tổ chức hội nghị đối thoại với nhân dân trên địa bàn. trực tiếp hướng dẫn, thực hiện việc tổ chức lấy kiến nhân dân đối với những

nội dung thuộc trách nhiệm của MTTQ theo quy định của pháp luật. Ủy ban MTTQ xã thực hiện giám sát việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn. việc tổ chức đối thoại, lấy ý kiến trong trường hợp UBND xã ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành và quá trình, kết quả giải trình, tiếp thu và tổ chức thực hiện các nội dung nhân dân tham gia ý kiến.

Điều 22. Trách nhiệm của nhân dân trong việc tham gia ý kiến vềcác nội dung ở xã.

1. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và mọi công dân cư trú trên địa bàn xã có trách nhiệm tích cực tham gia ý kiến về những nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư để làm cơ sở cho các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, của đất nước.

2. Cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham dự họp bàn, thảo luận, thể hiện ý kiến đối với các nội dung theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Công dân theo dõi, đánh giá, giám sát việc tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của nhân dân trên địa bàn đối với những nội dung đã được đưa ra lấy ý kiến và quá trình tổ chức thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung này.

Mục 4
NHÂN DÂN KIỂM TRA, GIÁM SÁT
Tiểu mục 1
NỘI DUNG, HÌNH THỨC KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 23. Nội dung kiểm tra, giám sát

1. Công dân kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà nhân dân đã bàn và quyết định quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

2. Công dân giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền xã, cán bộ, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn.

Điều 24. Hình thức kiểm tra, giám sát

1. Công dân trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua:

a) Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt của công dân ở cộng đồng dân cư.

b) Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách ở các thôn và người dân ở cộng đồng dân cư.

c) Tiếp cận các thông tin được công khai. các thông tin, báo cáo của chính quyền xã, cán bộ, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý hoặc thực hiện các nội dung Nhân dân đã bàn và quyết định.

d) Tham dự hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân xã với Nhân dân, hội nghị tiếp xúc cử tri, hoạt động tiếp công dân. hội nghị định kỳ và các cuộc họp khác của cộng đồng dân cư.

2. Công dân thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua MTTQ xã, thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân xã với nhân dân trên địa bàn xã

1. Hằng năm, Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã tổ chức ít nhất một lần hội nghị trao đổi, đối thoại với nhân dân trên địa bàn về tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân và những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân ở địa phương.

2. Nội dung, cách thức tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân xã với nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư

1. Hội nghị của cộng đồng dân cư được tổ chức định kỳ mỗi năm một lần vào thời gian cuối năm.

2. Trưởng thôn có trách nhiệm triệu tập, chủ trì hội nghị. Thành phần tham dự hội nghị là đại diện của toàn thể các hộ gia đình trong thôn.

3. Tại hội nghị, Trưởng thôn có trách nhiệm báo cáo với nhân dân về tình hình của cộng đồng dân cư, kết quả thực hiện các nội dung đã được cộng đồng dân cư bàn và quyết định. Đại diện Ban công tác Mặt trận thôn báo cáo, cung cấp thông tin về tình hình, kết quả thực hiện dân chủ ở thôn và trên địa bàn xã. Thành viên Ban Thanh tra nhân dân được bầu tại thôn báo cáo, cung cấp thông tin về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, xem xét, xác minh theo kiến nghị của nhân dân trên địa bàn.

Điều 27. Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát của nhân dân

1. Thông qua việc kiểm tra, giám sát trực tiếp, nhân dân đánh giá mức độ hài lòng đối với hoạt động của chính quyền địa phương, đối với cán bộ, công chức xã trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết công việc của công dân.

2. Khi phát hiện hành vi, nội dung có dấu hiệu vi phạm, công dân có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật hoặc kiến nghị, phản ánh đến chính quyền địa phương, cán bộ, công chức xã, Trưởng thôn, Ban công tác Mặt trận ở thôn, các tổ chức, đoàn thể mà mình là thành viên, hội viên, đến đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc phản ánh, đề nghị Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật xem xét, thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Ban Thanh tra nhân dân ở xã, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thay mặt nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định tại Tiểu mục 2 Chương này.

Điều 28. Trách nhiệm trong việc bảo đảm đểnhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 28 của Quy chế này có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân theo thẩm quyền hoặc thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm sau đây:

a) Tạo lập và bảo đảm vận hành ổn định, thường xuyên hệ thống đánh giá mức độ hài lòng của nhân dân, tiếp nhận góp ý, kiến nghị, phản ánh để người dân có thể trực tiếp bày tỏ thái độ, sự đánh giá, nhận xét đối với hoạt động của chính quyền địa phương và của cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết công việc của công dân.

b) Xem xét, giải quyết, giải trình và trả lời kịp thời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc xã hoặc báo cáo, chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

c) Tạo điều kiện và bảo đảm để Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác của nhân dân ở thôn thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

d) Xử lý người có hành vi cản trở công dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát hoặc người có hành vi trả thù, trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật.

3. Công dân chịu trách nhiệm về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình. chủ động, tích cực phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc xác minh, kiểm tra, giám sát đối với các nội dung mà công dân đã kiến nghị, đề nghị.

Tiểu mục 2
BAN THANH TRA NHÂN DÂN Ở XÃ

Điều 29. Tổ chức Ban Thanh tra nhân dân ở xã

1. Ban Thanh tra nhân dân ở xã gồm các thành viên được bầu từ các thôn. Số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân tương ứng số lượng thôn thuộc xã nhưng không ít hơn 05 người.

2. Nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn. Trong nhiệm kỳ, nếu thành viên Ban Thanh tra nhân dân không hoàn thành nhiệm vụ, không còn được tín nhiệm hoặc xin thôi làm nhiệm vụ thì Ủy ban MTTQ xã

đề nghị thôn đã bầu thành viên đó xem xét, cho thôi làm nhiệm vụ. Trường hợp khuyết thành viên Ban Thanh tra nhân dân trong nhiệm kỳ và thời gian còn lại của nhiệm kỳ là từ 06 tháng trở lên thì Ban công tác Mặt trận ở thôn phối hợp với Trưởng thôn tổ chức việc bầu bổ sung thành viên Ban Thanh tra nhân dân theo hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã.

3. Ban Thanh tra nhân dân ở xã gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân. Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ. các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

Điều 30. Tiêu chuẩn thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã

1. Có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ. có hiểu biết về chính sách, pháp luật và tự nguyện tham gia Ban Thanh tra nhân dân.

2. Là công dân thường trú trên địa bàn và không đồng thời là cán bộ, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn.

Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân ở xã

1. Kiểm tra việc thực hiện các quyết định đã được nhân dân bàn và quyết định. giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở của chính quyền địa phương, cán bộ, công chức xã và người hoạt động không chuyên trách ở thôn.

2. Kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

3. Yêu cầu chính quyền địa phương, cán bộ, công chức xã cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan để phục vụ việc xác minh, kiểm tra, giám sát.

4. Xem xét, xác minh vụ việc cụ thể theo kiến nghị của công dân, cộng đồng dân cư.

5. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, cán bộ, công chức xã, Trưởng thôn khắc phục hạn chế, thiếu sót được phát hiện qua việc kiểm tra, giám sát. bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, công dân. biểu dương những đơn vị, cá nhân có thành tích. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý.

6. Tham dự các cuộc họp của HĐND, UBND xã có nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

7. Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân, cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến phạm vi kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 32. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã

1. Ban Thanh tra nhân dân ở xã do Ủy ban MTTQ xã trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động.

2. Căn cứ vào chương trình hành động và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, Ban Thanh tra nhân dân xây dựng phương hướng, nội dung kế hoạch hoạt động của mình theo từng quý, 06 tháng và hằng năm.

3. Ban Thanh tra nhân dân có trách nhiệm định kỳ báo cáo hoặc báo cáo khi có yêu cầu về hoạt động của mình với Ủy ban MTTQ xã. Ban Thanh tra nhân dân được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban MTTQ xã có nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 33. Trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã

1. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm sau đây:

a) Thông báo cho Ban Thanh tra nhân dân về những chính sách, pháp luật chủ yếu liên quan đến tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương. các mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của xã.

b) Cung cấp thông tin hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ban Thanh tra nhân dân.

c) Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân, thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị.

d) Thông báo cho Ban Thanh tra nhân dân kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã. Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, người có hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã có trách nhiệm sau đây:

a) Hướng dẫn việc tổ chức hội nghị của cộng đồng dân cư ở thôn để bầu hoặc cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân.

b) Công nhận kết quả bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân. tổ chức cuộc họp của Ban Thanh tra nhân dân để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. Thông báo kết quả bầu và thành phần Ban Thanh tra nhân dân đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và nhân dân trên địa bàn.

c) Hướng dẫn Ban Thanh tra nhân dân xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung công tác. xem xét báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân. tham gia hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân khi xét thấy cần thiết.

d) Xác nhận biên bản, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân. đôn đốc việc giải quyết kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân.

đ) Động viên nhân dân ở địa phương ủng hộ, phối hợp, tích cực hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

e) Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Thanh tra nhân dân. Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán, kế hoạch hằng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, do ngân sách nhà nước xã bảo đảm.

Tiểu mục 3
BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

Điều 34. Tổchức Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được Ủy ban MTTQ xã quyết định thành lập theo từng chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) triển khai trên địa bàn, chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho xã. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có ít nhất là 05 thành viên, gồm đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, Ban Thanh tra nhân dân ở xã và đại diện người dân trên địa bàn thôn nơi có chương trình, dự án. Ban giám sát đầu tư của cộng đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ. các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

Điều 35. Tiêu chuẩn thành viên Ban giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, công tâm, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ. có hiểu biết về chính sách, pháp luật hoặc kinh nghiệm, hiểu biết về các lĩnh vực có liên quan đến chương trình, dự án đầu tư và tự nguyện tham gia Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

2. Là công dân thường trú trên địa bàn và không đồng thời là cán bộ, công chức xã. không có người thân là người có thẩm quyền quyết định đầu tư, chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư, đơn vị tư vấn của chủ đầu tư, nhà thầu dự án hoặc đơn vị tư vấn, giám sát của nhà thầu, người trực tiếp quản lý dự án đầu tư trên địa bàn xã.

Điều 36. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có các nhiệm vụ sau đây:

a) Theo dõi, giám sát sự phù hợp của chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã. việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về chỉ giới đất đai và sử dụng đất, quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án

kiến trúc, xây dựng, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng, kế hoạch đầu tư. tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, việc thực hiện công khai thông tin trong quá trình đầu tư đối với các chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư từ nguồn vốn khác trên địa bàn.

b) Đối với các chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư, dự án sử dụng ngân sách xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho xã, thì thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản này và kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định. theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình.

c) Phát hiện những việc làm tổn hại đến lợi ích của cộng đồng. những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và vận hành dự án. những việc gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc các chương trình, dự án đầu tư.

2. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có các quyền hạn sau đây:

a) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch có liên quan đến việc quyết định đầu tư dự án, kế hoạch sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Yêu cầu chủ chương trình, chủ đầu tư trả lời, cung cấp các thông tin phục vụ việc giám sát đầu tư gồm quyết định đầu tư. thông tin về chủ đầu tư, ban quản lý dự án, địa chỉ liên hệ. tiến độ và kế hoạch đầu tư. diện tích chiếm đất và sử dụng đất. quy hoạch mặt bằng chi tiết và phương án kiến trúc. đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư. phương án xử lý chất thải và bảo vệ môi trường. Đối với các chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư, dự án sử dụng ngân sách địa phương hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho xã, thì ngoài các nội dung trên, chủ chương trình, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thêm thông tin về quy trình, quy phạm kỹ thuật, chủng loại và định mức vật tư. kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình.

d) Tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh để gửi đến các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tiến hành kiểm tra, giám sát theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Ban. tiếp nhận và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về kiến nghị của công dân.

đ) Khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện dự án gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, an ninh, văn hóa, xã hội, môi trường sinh sống của cộng đồng hoặc chủ đầu tư không thực hiện công khai thông tin về chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật thì phản ánh đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và kiến nghị biện pháp xử lý. trường hợp cần thiết thì kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ thực hiện đầu tư, vận hành dự án.

Điều 37. Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ban giám sát đầu tư của cộng đồng do Ủy ban MTTQ xã trực tiếp chỉ đạo hoạt động.

2. Trên cơ sở hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát đầu tư của cộng đồng bám sát các nhiệm vụ và nội dung kiểm tra, giám sát quy định tại Điều 41 của Quy chế này.

3. Ban Giám sát đầu tư cộng đồng có trách nhiệm định kỳ báo cáo hoặc báo cáo khi có yêu cầu về kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã. Trưởng ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, UBND xã có nội dung liên quan đến chương trình, dự án mà Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát.

Điều 38. Trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã có trách nhiệm sau đây:

a) Chủ trì việc thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng chương trình, dự án. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã quyết định số lượng thành viên. cử đại diện tham gia Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. dự kiến địa bàn và số thành viên được bầu theo từng địa bàn để chỉ đạo Ban công tác Mặt trận ở thôn phối hợp cùng Trưởng thôn tổ chức việc bầu thành viên là đại diện nhân dân tham gia Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. công nhận kết quả bầu thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. tổ chức cuộc họp của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. cử, đề nghị cử hoặc tổ chức bầu bổ sung thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong trường hợp khuyết, thiếu.

b) Thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch giám sát và thành phần Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng chậm nhất là 45 ngày trước ngày thực hiện. thông báo về thành phần Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và nhân dân ở địa phương.

c) Hướng dẫn Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật. hỗ trợ Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong việc thông tin liên lạc, lập và gửi các báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng.

d) Xác nhận văn bản kiến nghị, phản ánh của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trước khi gửi cơ quan có thẩm quyền. đôn đốc việc giải quyết kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

đ) Động viên nhân dân ở địa phương tích cực tham gia kiểm tra, giám sát tại cộng đồng và ủng hộ, hỗ trợ hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

e) Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán, kế hoạch hằng năm của Ủy ban MTTQ xã, do ngân sách địa phương bảo đảm.

2. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm sau đây:

a) Bố trí địa điểm làm việc để Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức các cuộc họp và lưu trữ tài liệu phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát.

b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

c) Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị.

d) Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, người có hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

3. Chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời tài liệu liên quan đến việc triển khai thực hiện chương trình, dự án theo yêu cầu của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

c) Tiếp thu ý kiến, kiến nghị kiểm tra, giám sát của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và thông báo kết quả thực hiện đến Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của Phòng Văn hóa – Xã hội xã

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở xã Thượng Hồng.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân xã kiểm tra việc thực hiện đảm bảo yêu cầu thực hiện dân chủ ở cơ sở thuộc phạm vi quản lý. tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng năm theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

c) Tổ chức thực hiện việc thông tin, truyền thông nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng bảo đảm thực hiện quy chế dân chủ ở xã theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Văn phòng HĐND và UBND xã

Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã Thượng Hồng.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân xã

Theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm và tham mưu Ủy ban nhân dân xã thực hiện các nhiệm vụ có liên quan theo đúng chức năng nhiệm vụ được phân công.

Điều 40. Điều khoản thi hành

1. UBND xã phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã tổ chức thực hiện theo Điều 87 Chương V của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022.

2. Các tổ chức, cá nhân theo trách nhiệm được phân công, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp hoặc mới phát sinh thì các tổ chức, cá nhân được phân công trách nhiệm phối hợp kịp thời thông báo cho Phòng Văn hóa – Xã hội xã, để báo cáo Ủy ban nhân dân xã hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và quy định của pháp luật hiện hành./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THƯỢNG HỒNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Thượng Hồng, ngày 08 *tháng 10 năm 2026*

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ THƯỢNG HỒNG T.P HẢI PHÒNG

Hà Thị Thủy

Nơi nhận:
- Văn phòng UBND thành phố;
- Sở Nội vụ thành phố;
- Sở Tư pháp thành phố;
- Công báo TP;
- Thường trực Đảng uỷ;
- Thường trực HĐND;
- Lãnh đạo UBND;
- Thường trực UBMTTQ xã;
- Như Điều 3;
- Cổng TTĐT xã;
- Lưu: VT, 02.